

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2014/NQ-HĐND

*Quảng Trị, ngày 10 tháng 12 năm 2014*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Chương trình, dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền  
quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh;  
quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Xét Tờ trình số 4259/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh;  
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định các chương trình, dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của HĐND tỉnh; quy định tiêu chí dự án đầu tư công trọng điểm nhóm C; trình tự, thủ tục hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét quyết định chủ trương đầu tư.

**Điều 2. Chương trình, dự án HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư**

1. Dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp tỉnh quản lý sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Chương trình đầu tư bằng toàn bộ vốn cân đối ngân sách tỉnh, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách và các khoản vốn vay khác của ngân sách tỉnh để đầu tư.

3. Dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp tỉnh quản lý sử dụng vốn cân đối ngân sách tỉnh, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách và các khoản vốn vay khác của ngân sách tỉnh để đầu tư.

**Điều 3. Tiêu chí phân loại dự án đầu tư công trọng điểm nhóm C**

Dự án trọng điểm nhóm C là dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công, được đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công; khả

năng huy động các nguồn vốn khác đối với công trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn, thuộc một trong các chỉ tiêu dưới đây:

1. Dự án có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến 120 tỷ đồng thuộc công trình cầu, cảng biển, cảng sông; lĩnh vực công nghiệp điện, hóa chất, phân bón, xi măng, chế tạo máy, luyện kim, khai thác chế biến khoáng sản, xây dựng khu nhà ở.

2. Dự án có tổng mức đầu tư từ 40 tỷ đồng đến 80 tỷ đồng thuộc lĩnh vực giao thông (trừ các dự án cầu, cảng sông, cảng biển), thủy lợi, cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật điện, sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, bưu chính, viễn thông, hóa dược, sản xuất vật liệu (trừ các dự án hóa chất, phân bón, xi măng), công trình cơ khí (trừ các dự án chế tạo máy, luyện kim), bưu chính, viễn thông.

3. Dự án có tổng mức đầu tư từ 30 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng thuộc lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, khu bảo tồn thiên nhiên, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới và công nghiệp khác (trừ các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này).

4. Dự án có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ đồng đến 45 tỷ đồng thuộc lĩnh vực y tế, văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục, nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình, kho bãi, xây dựng dân dụng (trừ xây dựng khu nhà ở).

5. Dự án ảnh hưởng đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm: sử dụng đất có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học, các loại rừng phòng hộ từ 10 ha trở lên hoặc rừng sản xuất từ 100 ha trở lên.

6. Dự án khi thực hiện giải phóng mặt bằng phải di dân tái định cư từ 20 hộ trở lên.

7. Dự án áp dụng hình thức đối tác công tư (PPP) có khả năng thu hồi vốn.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết này**

1. UBND tỉnh có trách nhiệm

a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp dưới trực tiếp lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

c) Chỉ đạo cơ quan quy định tại Điểm a Khoản này hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Sau khi Thường trực HĐND tỉnh có văn bản chấp thuận, UBND tỉnh gửi Bộ Kế

hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

3. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

4. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

Hồ sơ trình gồm có:

- Tờ trình của UBND tỉnh;
- Báo cáo rút gọn đề xuất chủ trương đầu tư dự án;
- Báo cáo của Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- Các tài liệu khác có liên quan.

5. Các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra hồ sơ do UBND tỉnh trình.

6. HĐND tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư. Nội dung nghị quyết ghi rõ mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này**

1. Chủ chương trình có trách nhiệm

- a) Giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- b) Giao đơn vị có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- c) Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

3. Căn cứ ý kiến thẩm định quy định tại Khoản 2 Điều này, chủ chương trình hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh.

4. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư; địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện; cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Hồ sơ trình quy định tại Khoản 4, Điều 4 của Nghị quyết này.

5. Các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra hồ sơ do UBND tỉnh trình.

6. HĐND tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư chương trình. Nội dung nghị quyết ghi rõ mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư; địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện; cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục, hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc Khoản 3, Điều 2 Nghị quyết này**

1. Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm

a) Giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

b) Giao đơn vị có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

c) Hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

3. Căn cứ ý kiến thẩm định quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan được giao lập hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh.

4. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

Hồ sơ trình quy định tại Khoản 4, Điều 4 của Nghị quyết này.

5. Các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra hồ sơ do UBND tỉnh trình.

6. HĐND tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án. Nội dung nghị quyết ghi rõ mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

**Điều 7.** Giữa hai kỳ họp của HĐND tỉnh, xét sự cần thiết phải đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trọng điểm nhóm C quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6, 7, Điều 3 của Nghị quyết này, UBND tỉnh lập đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất chủ trương đầu tư để UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hữu Phúc**